

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel : (84-4) 3944 6666 Fax : (84-4) 3 944 6969

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 12

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2015.

Khái quát chung về Công ty

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012 và Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 4 năm 2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng)

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực
Ban Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thu Hương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Trung Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Danh Hưng	Trưởng ban
Bà Trần Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/12/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2015, phù hợp với quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Số: 426-15/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2015
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm ngày 30/6/2015 kèm theo của Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia ngày 15 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 12, đã được Ban Tổng giám đốc của Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “*Công tác soát xét báo cáo tài chính*”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/12/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt, Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia giữ 05 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-34-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHH kiểm toán: 1410-2013-34-1

Số: 06.2015/BC-IRS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/06/2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Ngô Hà Chi

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thị Nhung

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	NGUỒN VỐN			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	(5.715.000.000)		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	21.759.119		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.759.119		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật.	16.146.035.602		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		5.810.723	2.342.352
1A	Tổng			145.471.085.469
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		32.424.999.918	
1	Phải thu của khách hàng		-	
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2	Trả trước cho người bán		167.346.650	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		32.257.653.268	
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		32.257.653.268	
5	Các khoản phải thu khác		-	
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		177.401.437	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		177.401.437	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng		-	
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			32.602.401.355
C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu dài hạn khác		-	
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		1.265.148.725	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		28.350.000.000	
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		28.350.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		8.014.042.706	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		37.629.191.431	
VỐN KHẢ DỤNG = (1A) - (1B) - (1C)				75.239.492.683

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			140.269.066.046	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	113.603.066.046	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	26.666.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%		-
II. Trái phiếu chính phủ			-	-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			10.802.400	1.569.350
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.052.500	105.250
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	9.717.600	1.457.640
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	32.300	6.460
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				1.569.350

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	1.621.099.840	13.605.174	1.634.705.014
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		5.367.600		5.367.600		
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
	Tiền gửi kỳ hạn tháng tại Ngân hàng TMCP SHB	20%		27.018.330.664		324.219.968		
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)							1.964.292.582	

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

Giá trị

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	24.144.018.307
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	475.158.271
	1. Chi phí khấu hao	475.678.371
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(525.800)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	5.700
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	23.668.860.036
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25% x III)	5.917.215.009
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		27.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		28.965.861.932

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.569.350	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.964.292.582	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	28.965.861.932	
5	Vốn khả dụng	75.239.492.683	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	259,8%	

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận kiểm
soát nội bộ

Quyền Tổng Giám đốc






Ngô Hà Chi

Nguyễn Thị Nhung

Trần Thị Thu Hương